TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/DS-PT
Ngày: 12-9-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Thái Rết.

Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Trong các ngày 14-8-2019 và ngày 12-9-2019 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2019/TLPT-DS ngày 16-7-2019, về "Tranh chấp hHp đồng dân sự góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 05-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2019/QĐ-PT ngày 23-7-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Tuyết T; Sinh năm: 1975; Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Tuyết M; Tên gọi khác: Phạm Thị M; Sinh năm: 1970 (có mặt) và ông Lê Văn H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn H: Bà Phạm Thị Tuyết M, theo văn bản ủy quyền ngày 07-8-2019.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị N; Sinh năm: 1955. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Phạm Tuyết S; Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Tuyết M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Tuyết T trình bày như sau:

Bà Phạm Thị Tuyết T với vợ chồng bà Phạm Thị Tuyết M, ông Lê Văn H có hợp đồng góp hụi với nhau. Tính đến tháng 01-2019 âm lịch (AL), bà M và ông H còn nợ bà T các khoản tiền hụi cụ thể như sau:

- Đối với các dây hụi do vợ chồng bà M, ông H làm đầu thảo và bà T là hụi viên:

+ Dây hụi mở ngày 22-11-2016 AL, loại hụi 01 tháng khui 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 28 chân hụi, dây hụi mãn vào ngày 22-01-2019 AL: Đối với dây hụi này bà T tham gia 06 chân hụi và mua thêm 03 chân hụi chết, tổng cộng 09 chân hụi. Bà T đã đóng tiền hụi sống cho bà M được 19 lần đối với 06 chân hụi tham gia từ đầu và còn 03 chân hụi chết mua sau đã đóng tiền hụi cho bà M 22 lần. Từ lần khui hụi thứ 20 là ngày 22-5-2018 AL trở đi là bà T được hốt hụi mỗi tháng 01 chân hụi, bà T hốt được 04 chân hụi và được bà M giao đủ tiền hốt hụi. Còn lại 05 chân hụi còn lại, từ ngày 22-9-2018 AL đến hụi mãn vào ngày 22-01-2019 AL, bà M và ông H không giao tiền hốt hụi cho bà T. Số tiền hụi bà M và ông H nợ bà T đối với 05 chân hụi là 216.000.000 đồng {(22 lần x 2.000.000 đồng/lần/chân hụi - 800.000 đồng tiền hoa hồng đầu thảo) x 5 chân hụi = 216.000.000 đồng}.

+ Dây hụi mở ngày 25-01-2017 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 28 chân hụi, dây hụi mãn ngày 25-3-2019 AL: Đối với dây hụi này, bà T tham gia 06 chân hụi và mua thêm 03 chân hụi chết, tổng cộng là 09 chân hụi. Bà T đã đóng tiền hụi sống cho bà M được 18 lần. Từ lần khui hụi thứ 19 và 20, bà T hốt hụi 02 chân hụi và được bà M giao đủ tiền hốt hụi. Từ lần khui hụi thứ 21 vào ngày 25-9-2018 AL đến 25-12-2018 AL, bà T hốt được 04 chân hụi nhưng bà M, ông H không giao tiền hốt hụi cho bà T. Số tiền hụi bà M và ông H nợ bà T đối với 04 chân hụi đã hốt là 164.800.000 đồng {(21 lần x 2.000.000 đồng/lần/chân hụi - 800.000 đồng tiền hoa hồng đầu thảo) x 4 chân hụi = 164.800.000 đồng}. Ngoài ra, bà M, ông H còn nợ bà T 03 chân hụi chưa hốt nhưng bà T không khởi kiện vì dây hụi chưa mãn.

+ Dây hụi mở ngày 06-5-2017 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 26 chân hụi, dây hụi mãn ngày 06-5-2019 AL: Đối với dây hụi này, bà T tham gia 07 chân hụi. Bà T đóng tiền hụi sống cho bà M được 18 lần. Đến lần khui hụi thứ 19, bà T hốt 01 chân hụi và bà M, ông H đã giao đủ tiền hốt hụi. Đến lần khui hụi thứ 20, bà T không đóng hụi sống vì lần này em dâu bà T hốt nên hai người không ăn thua. Lần khui thứ 21

ngày 06-12-2018 AL và lần khui thứ 22 ngày 06-01-2019 AL, bà T hốt hụi 02 chân hụi nhưng bà M, ông H chưa giao tiền hụi cho bà T. Số tiền hụi bà M và ông H nợ bà T đối với 02 chân hụi đã hốt là 70.400.000 đồng {(18 lần x 2.000.000 đồng/lần/chân hụi - 800.000 đồng tiền hoa hồng đầu thảo) x 2 chân hụi = 70.400.000 đồng}. Ngoài ra, bà M, ông H còn nợ bà T 04 chân hụi chưa hốt nhưng bà T không khởi kiện vì dây hụi chưa mãn.

Tính đến ngày bà T khởi kiện (ngày 26-02-2019), bà M và ông H còn nợ bà T các khoản tiền hụi của 03 dây hụi do bà M, ông H làm đầu thảo là 451.200.000 đồng (216.000.000 đồng + 164.800.000 đồng + 70.400.000 đồng = 451.200.000 đồng).

- Đối với các dây hụi do bà T làm đầu thảo và bà M, ông H là hụi viên:

+ Dây hụi mở ngày 30-7-2017 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 5.000.000 đồng, dây hụi có 21 chân, dây hụi mãn ngày 30-3-2019 AL: Đối với dây hụi này, bà M, ông H tham gia 01 chân hụi và hốt hụi đầu tiên, bà Th đã giao tiền hốt hụi cho bà M đầy đủ. Từ ngày 30-9-2018 AL đến ngày 30-12-2018 AL, bà M, ông H không đóng tiền hụi chết cho bà T 04 lần và nợ số tiền là 20.000.000 đồng (5.000.000 đồng/chân hụi x 04 lần = 20.000.000 đồng). Tính đến ngày bà T khởi kiện, dây hụi còn 03 lần khui hụi mới mãn nên phần này bà T chưa khởi kiện.

+ Dây hụi mở ngày 29-5-2018 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 25 chân hụi, hụi mãn vào ngày 29-5-2020 AL: Đối với dây hụi này, bà M, ông H tham gia 05 chân hụi và đã hốt hết 05 chân hụi, bà T đã giao tiền hốt hụi cho bà M đầy đủ. Từ ngày 29-9-2018 AL đến ngày 29-12-2018 AL, bà M, ông H không đóng hụi chết 04 lần và nợ bà T số tiền là 40.000.000 đồng {(2.000.000 đồng/chân hụi x 04 lần) x 05 chân hụi = 40.000.000 đồng). Tính đến ngày bà T khởi kiện, dây hụi còn 17 lần khui hụi mới mãn nên phần này bà T chưa khởi kiện.

+ Dây hụi mở ngày 19-11-2015 AL, loại hụi 04 tháng khui hụi 01 lần (hụi vụ), mỗi chân hụi là 10.000.000 đồng, dây hụi có 17 chân hụi, hụi mãn vào ngày 19-3-2021 AL: Đối với dây hụi này, bà M, ông H tham gia 01 chân và đã hốt ở lần khui hụi thứ 02, bà T đã giao tiền hốt hụi cho bà M đầy đủ. Sau đó, bà M, ông H đóng hụi chết được 07 lần, đến lần thứ 10 ngày 19-11-2018 AL bà M, ông H không đóng hụi chết 01 lần và nợ bà T số tiền là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày bà T khởi kiện, dây hụi còn 07 lần khui hụi mới mãn nên phần này bà T chưa khởi kiện.

+ Dây hụi mở ngày 16-11-2016 AL, loại hụi 04 tháng khui hụi 01 lần (hụi vụ), mỗi chân hụi là 10.000.000 đồng, dây hụi có 27 chân hụi, hụi mãn vào ngày 16-7-2025 AL: Đối với dây hụi này, bà M, ông H tham gia 01 chân hụi. Bà M, ông H đóng hụi sống được 06 lần, từ lần khui hụi thứ 07 vào ngày 16-11-2018 AL, bà M, ông H không đóng hụi sống. Dây hụi này, hai bên không có tranh chấp.

Tính đến tháng 01-2019 AL, bà M và ông H còn nợ bà T các khoản tiền hụi chết của 03 dây hụi do bà Th làm đầu thảo là 70.000.000 đồng (20.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 10.000.000 đồng = 70.000.000 đồng).

Tính đến tháng 01-2019 AL, bà M và ông H còn nợ bà T tổng cộng các khoản tiền bà T hốt các dây hụi do bà M, ông H làm đầu thảo và các khoản tiền hụi chết đối với các dây hụi do bà T làm đầu thảo là 521.200.000 đồng (451.200.000 đồng + 70.000.000 đồng = 521.200.000 đồng). Hợp đồng góp hụi giữa hai bên không có lập thành văn bản. Tuy nhiên, vào ngày 06-01-2019 AL, bà M có lập "Tờ cam kết trả tiền hụi" và "Tổng kết tiền hụi giữa tôi và Tuyết T". Theo đó, bà M xác nhận còn nợ hụi đối với bà T đối với các dây hụi như trên.

Bà Phạm Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Tuyết M hoàn trả khoản nợ hụi với tổng số tiền là 521.200.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị Tuyết M (tên gọi khác: Phạm Thị M), đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn H trình bày như sau: Bà Phạm Thị Tuyết M và bà Phạm Thị Tuyết T có hợp đồng góp hụi với nhau. Hiện nay, bà M còn nợ bà T các khoản tiền ở các dây hụi là 209.825.000 đồng, cụ thể như sau:

- Đối với các dây hụi do bà M làm đầu thảo và bà Th là hụi viên:

+ Dây hụi mở ngày 22-11-2016 AL, loại hụi 01 tháng khui 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 26 chân hụi, dây hụi mãn vào ngày 22-11-2018 AL: Đối với dây hụi này bà T tham gia 05 chân hụi, bà Th đã hốt hết 05 chân hụi, bà M đã giao tiền hốt hụi đầy đủ cho bà T.

+ Dây hụi mở ngày 25-01-2017 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 28 chân hụi, dây hụi mãn ngày 25-3-2019 AL: Đối với dây hụi này, bà T tham gia 05 chân hụi. Bà M đã giao tiền cho bà T đến ngày 25-12-2018 AL, còn nợ lại 03 lần từ tháng 01, 02 và 3-2019 AL. Bà M xác định việc bà T trình bày mua 03 chân hụi và 01 chân hụi của mẹ bà T là không có. Dây hụi này, bà M đã úp hụi nên xin trả vốn cho bà T với số tiền là 74.925.000 đồng (24.975.000 đồng/chân hụi x 3 = 74.925.000 đồng).

+ Dây hụi mở ngày 06-5-2017 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 26 chân hụi, dây hụi mãn ngày 06-5-2019 AL: Đối với dây hụi này, bà T tham gia 05 chân hụi. Bà M chỉ còn nợ bà Th từ ngày 06-01-2019 AL đến mãn hụi là 05 lần. Dây hụi này bà M đã tự úp hụi, bà M xin trả vốn cho bà T với số tiền là 109.900.000 đồng.

Bà M xác định bà M đã không khui hụi nữa (úp hụi) đối với 03 dây hụi trên, để trả lại tiền vốn hàng tháng cho các hụi viên trong đó có bà T và việc bà M đã giao tiền hụi cho bà T trong dây hụi đã mãn và việc đã đóng hụi trong các dây hụi còn lại không có biên nhận.

- Đối với các dây hụi do bà T làm đầu thảo và bà M là hụi viên:

+ Dây hụi mở ngày 30-7-2017 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 5.000.000 đồng, dây hụi có 21 chân, dây hụi mãn ngày 30-3-2019 AL: Đối với dây hụi này, bà M tham gia 01 chân hụi và hốt hụi đầu tiên. Bà M đã đóng tiền hụi chết cho bà T đến 06-01-2019 AL, chỉ còn nợ bà T 03 lần từ ngày 30-01-2019 AL đến ngày 30-3-2019 AL là 15.000.0000 đồng là mãn hụi.

+ Dây hụi mở ngày 29-5-2018 AL, loại hụi 01 tháng khui hụi 01 lần, mỗi chân hụi là 2.000.000 đồng, dây hụi có 25 chân hụi, hụi mãn vào ngày 29-5-2020 AL: Đối với dây hụi này, bà M tham gia 05 chân hụi và đã hốt hết 05 chân hụi. Bà M đã đóng hụi chết cho bà T đến ngày 29-12-2018 AL, còn nợ bà T tiền hụi chết từ ngày 29-01-2019 AL đến khi mãn hụi.

+ Dây hụi mở ngày 19-11-2015 AL, loại hụi 04 tháng khui hụi 01 lần (hụi vụ), mỗi chân hụi là 10.000.000 đồng, dây hụi có 17 chân hụi, hụi mãn vào ngày 19-3-2021 AL: Đối với dây hụi này, bà M tham gia 01 chân và đã hốt ở lần khui hụi thứ 02. Sau đó, bà M đóng hụi chết được 07 lần, đến lần thứ 10 ngày 19-11-2018 AL bà M không đóng hụi chết 01 lần và nợ bà T số tiền là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày bà M khởi kiện, dây hụi còn 07 lần khui hụi mới mãn.

+ Dây hụi mở ngày 16-11-2016 AL, loại hụi 04 tháng khui hụi 01 lần (hụi vụ), mỗi chân hụi là 10.000.000 đồng, dây hụi có 27 chân hụi, hụi mãn vào ngày 16-7-2025 AL: Đối với dây hụi này, bà M tham gia 01 chân hụi. Bà M đóng hụi sống được 06 lần, từ lần khui hụi thứ 07 vào ngày 16-11-2018 AL, bà M không đóng hụi sống. Dây hụi này, hai bên không có tranh chấp.

Bà M xác định còn nợ bà T tổng cộng các khoản tiền bà T hốt các dây hụi do bà M làm đầu thảo và các khoản tiền hụi chết đối với các dây hụi do bà T làm đầu thảo là 209.825.000 đồng. Việc bà M chơi hụi thì chồng bà là ông Lê Văn H biết và tiền chơi hụi bà M sử dụng, chi tiêu chung trong gia đình và chữa bệnh cho ông H. Nay bà M đồng ý hoàn trả cho bà T khoản nợ hụi là 209.825.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Bà M thừa nhận "Tờ cam kết trả tiền hụi" lập ngày 06-01-2019 AL là do bà M ký tên và viết họ tên ở cuối "Tờ cam kết trả tiền hụi" và việc bà M ký cam kết là để cấn trừ nợ hụi giữa bà M, bà T và bà Đ. Việc ký này không giáp mặt bà Đ nên không rõ số tiền bao nhiêu, đến nay giữa bà M, bà T và bà Đ không thực hiện việc cấn trừ nợ với nhau. Nội dung trong "Tờ cam kết trả tiền hụi" và "Tổng kết tiền hụi giữ tôi và Tuyết T" là do bà T ghi.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 05-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 357, 401 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 17, 19, 20, 21, 22, 23, 29 và 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của

Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết T.

- Buộc ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Tuyết M (tên gọi khác: Phạm Thị M) cùng liên đới trả cho bà Phạm Thị Tuyết T số tiền là 521.200.000 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu, hai trăm ngàn đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 17-6-2019, bị đơn Phạm Thị Tuyết M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Tuyết T, bà M thống nhất trả bà T số tiền là 209.825.000 đồng.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 23-8-2019, người làm chứng Phạm Tuyết S khai nhận: Bà S có nhờ bà Phạm Thị Tuyết T tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị Tuyết M làm đầu thảo nhưng bà S không trực tiếp giao dịch với bà M mà mọi vấn đề thỏa thuận liên quan việc chơi hụi, đóng tiền hụi đều do bà T thực hiện trực tiếp với bà M. Do đó, bà S thống nhất việc bà T kiện đòi bà M trả tiền hụi.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 23-8-2019, người làm chứng Trần Thị N khai nhận: Bà N có nhờ bà Phạm Thị Tuyết T tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị Tuyết M làm đầu thảo nhưng bà N không trực tiếp giao dịch với bà M mà mọi vấn đề thỏa thuận liên quan việc chơi hụi, đóng tiền hụi đều do bà T thực hiện trực tiếp với bà M. Do đó, bà N thống nhất việc bà T kiện đòi bà M trả tiền hụi.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Tuyết M không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào

khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Lê Văn H vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp của họ tham gia phiên tòa; người làm chứng Trần Thị N, Phạm Tuyết S vắng mặt không có lý do nhưng đã cung cấp lời khai cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, Điều 297, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo ngày 14-6-2019 của bị đơn Phạm Thị Tuyết M nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện Kế Sách vào ngày 17-6-2019 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Đơn kháng cáo lập ngày 14-6-2019 của bị đơn Phạm Thị Tuyết M, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 05-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận buộc bà Phạm Thị Tuyết M trả cho bà Phạm Thị Tuyết T khoản nợ hụi với số tiền là 209.825.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Tuyết T và bà Phạm Thị Tuyết M đều thừa nhận có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau, hợp đồng bằng lời nói không lập thành văn bản. Trong đó, hụi do bà M làm đầu thảo, bà T là hụi viên gồm có 03 dây hụi tháng, loại hụi 2.000.000 đồng/chân hụi, mở ngày 22-11-2016 AL, ngày 25-01-2017 AL và ngày 06-5-2017 AL; đối với hụi do bà T làm đầu thảo, bà M là hụi viên gồm có 01 dây hụi tháng 5.000.000 đồng/chân hụi, mở ngày 30-7-2017 AL, 01 dây hụi tháng 2.000.000 đồng/chân hụi, mở ngày 29-5-2018 AL và 02 dây hụi vụ (4 tháng) 10.000.000 đồng/chân hụi, mở ngày 19-11-2015 AL và ngày 16-11-2016 AL. Xét các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận góp hụi, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận là giao dịch dân sự hợp pháp.

[4] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị Tuyết M thừa nhận chữ ký "M" và ghi tên "Phạm Thị M" trong "Tờ cam kết trả tiền hụi" lập ngày 06-01-2019 AL là do bà M tự ghi và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Đồng thời, bà M thừa nhận việc ký "Tờ cam kết trả tiền hụi" lập ngày 06-01-2019 AL là để xác nhận khoản nợ hụi của bà T và thỏa thuận lấy tiền chân

hụi của bà Đ để cấn trừ một phần nợ của bà T, nhưng bà Đ không có giao tiền cho bà T để trừ nợ. Tuy nhiên, bà M không thừa nhận nội dung nhận nợ hụi với bà T như nội dung được ghi trong "Tờ cam kết trả tiền hụi" lập ngày 06-01-2019 AL nhưng bà M không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến phản bác của mình. Do đó, có cơ sở để khẳng định tại thời điểm ngày 06-01-2019 AL, bà M nợ bà T số tiền nợ hụi là 418.630.000 đồng như nội dung được ghi Tờ cam kết trả tiền hụi lập ngày 06-01-2019 AL.

[5] Xét nội dung "Tổng kết tiền hụi giữa tôi và Tuyết T" được diễn giải gắn liền với Tờ cam kết trả tiền hụi lập ngày 06-01-2019 AL có nội dung phù hợp với nội dung Tờ cam kết trả tiền hụi lập ngày 06-01-2019 AL thể hiện tại thời điểm ngày 06-01-2019 AL, bà M nợ bà T số tiền hụi là 418.630.000 đồng ở các dây hụi như bà T và bà M đã trình bày.

[6] Theo bà T trình bày, đối với 02 dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 22-11-2016 AL và ngày 25-01-2017 AL, bà T đứng ra chơi dùm mẹ là bà Trần Thị N mỗi dây 01 chân hụi và dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 06-5-2017 AL, bà T chơi dùm em gái là bà Phạm Tuyết S 01 chân hụi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thừa nhận là bà T có chơi hụi dùm cho mẹ và em gái, bà M ghi tên hụi viên trong sổ theo dõi hụi là "Cô Ba T" và "Tuyết S" nhưng người trực tiếp giao dịch thỏa thuận, đóng tiền hụi là bà T. Lời thừa nhận của bà M phù hợp với lời khai của bà N và bà S tại biên bản ghi lời khai ngày 23-8-2019, bà N và bà S thừa nhận bà T là người đứng ra trực tiếp giao dịch, đóng hụi với bà M, chứ bà N và bà S không trực tiếp tham gia chơi hụi với bà M, thống nhất với việc bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền nợ hụi. Đồng thời, theo nội dung "Tổng kết tiền hụi giữa tôi và Tuyết T" được diễn giải gắn liền với "Tờ cam kết trả tiền hụi" lập ngày 06-01-2019 AL thì bà M đã thống nhất xác định nghĩa vụ thanh toán cho bà T đối với các chân hụi ghi tên hụi viên là "Cô Ba T" và "Tuyết S". Do vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà M thanh toán khoản tiền nợ hụi đối với các chân hụi mà bà M ghi tên trong sổ theo dõi hụi là "Cô Ba T" và "Tuyết S" là phù hợp quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể, đến tháng 01-2019 AL, bà M còn nợ các khoản tiền hụi đối với bà T được xác định như sau:

[7] Đối với các dây hụi do bà M làm đầu thảo và bà T là hụi viên: Tại Tờ "Tổng kết tiền hụi giữa tôi và Tuyết T" được diễn giải gắn liền với "Tờ cam kết trả tiền hụi" lập ngày 06-01-2019 AL có nội dung:

"- Hụi tôi làm đầu thảo, hụi tháng 2.000.000 đồng

1/ Hụi mở ngày 22/11/2016 AL: tổng 28 người, T chơi 5, mua 3, cô Ba, tổng cộng 09 chưng, đang mãng chót, bắt đầu hốt ngày 22/5/2018 AL tôi giao được 4, còn 5 chưng. Hụi mãng rồi mà tôi chưa giao tiền là 4 tháng: từ ngày 22/09 đến 22/12/18 mỗi tháng 43.200.000 đ x 4 = 172.800.000 đồng. Còn 1 chưng đến ngày 25/01/2019 âl mới giao (chưa tính)".

2/ Hụi mở ngày 25/01/2017 AL: tổng 28 người, T chơi 5, mua 3, cô Ba 1, tổng cộng 09 chưng, đang mãng chót, bắt đầu hốt ngày 25/07/2018 AL tôi giao được 2, còn 7 chưng. Hụi mãng rồi mà tôi chưa giao tiền là 4 tháng từ ngày

25/9 đến 25/12/2018 AL. mỗi tháng là 41.200.000 x 4 = 164.800.000 đ. Còn 3 chưng mãng mỗi tháng đến ngày 25/03/2019 AL (chưa tính)

3/ *Hụi mở ngày 06/5/2017 AL: Tổng 26 người, T chơi 5, cô Ba 1, S 1 chưng, tổng cộng là 7 chưng, cô Ba hốt 1 còn lại 6 chưng. Hụi mãng 1 chưng ngày 06/12/2018 AL tôi chưa giao tiền 35.200.000đ. còn lại 05 chưng tôi giao mỗi tháng đến ngày 06/5/2019 AL chưa tính"*

[8] Xét lời trình bày của bà T là phù hợp với nội dung trên. Đối với dây hụi mở ngày 22-11-2016 AL, tính thêm 01 chân hụi bà T hốt ngày 25-01-2019 AL thì bà M nợ bà Th số tiền của dây này là 216.000.000 đồng (172.800.000 đồng + 43.200.000 đồng = 216.000.000 đồng). Đối với dây hụi mở ngày 06-5-2017 AL, tính thêm 01 chân hụi bà Th hốt ngày 06-01-2019 AL thì bà M nợ bà T số tiền của dây này là 70.400.000 đồng (35.200.000 đồng x 2 = 70.400.000 đồng). Như vậy, đối với các dây hụi do bà M làm đầu thảo và bà T là hụi viên, tính đến tháng 01-2019 AL, bà M còn nợ bà T tổng cộng số tiền là 451.200.000 đồng.

[9] Đối với các dây hụi do bà T làm đầu thảo và bà M là hụi viên: Tại Tờ "Tổng kết tiền hụi giữa tôi và Tuyết T" được diễn giải gắn liền với "Tờ cam kết trả tiền hụi" lập ngày 06-01-2019 AL có nội dung:

"- Hụi Tuyết T làm đầu thảo:

1/ Hụi tháng 5.000.000 đ và 2.000.000 đ (tôi hốt chết). Tôi thiếu 4 tháng chưa đống, mỗi tháng 15.000.000 đ (15.000.000 đ x 4 = 60.000.000 đ)".

[10] Xét lời trình bày của bà T là phù hợp với nội dung trên. Tính đến tháng 01-2019 AL, đối với dây hụi mở ngày 30-7-2017 AL, loại hụi là 5.000.000 đồng, bà M còn nợ bà T tiền hụi chết với số tiền là 20.000.000 đồng và dây hụi mở ngày 29-5-2018 AL, loại 2.000.000 đồng, dây hụi có 25 chân hụi, bà M còn nợ bà T tiền hụi chết với số tiền là 40.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng đối với dây hụi mở ngày 19-11-2015 AL, loại hụi 04 tháng khui hụi 01 lần (hụi vụ mùa), mỗi chân hụi là 10.000.000 đồng. Như vậy, đối với các dây hụi do bà T làm đầu thảo và bà M là hụi viên, tính đến tháng 01-2019 AL, bà M còn nợ bà T tổng cộng số tiền là 70.000.000 đồng. Tính đến tháng 01-2019 AL, bà M còn nợ bà T đối với các dây hụi do bà M làm đầu thảo và các dây hụi do bà T làm đầu thảo tổng số tiền là 521.200.000 đồng.

[11] Xét lời trình bày của bà M xác định đã trả tiền hụi cho bà T một phần và chỉ còn nợ bà T số tiền là 209.825.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[12] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà M xác định khi bà M hợp đồng góp hụi với bà T thì chồng bà M là ông Lê Văn H biết và không ngăn cản. Đồng thời, bà M sử dụng số tiền có được từ hợp đồng góp hụi với bà T vào mục đích chi tiêu trong gia đình và chữa bệnh cho ông H. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác

định ông H có trách nhiệm liên đới với bà M đối với nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch trên là có cơ sở.

[13] Từ những phân tích trên cho thấy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết T, xử buộc bà Phạm Thị Tuyết M (tên gọi khác: Phạm Thị M) và ông Lê Văn H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Phạm Thị Tuyết T khoản nợ hụi với số tiền là 521.200.000 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 357, 401 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 17, 19, 20, 21, 22, 23, 29 và 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường. Đối với đề nghị của bà M xin trả dần khoản nợ hụi mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Tuyết M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Phạm Thị Tuyết M (tên gọi khác: Phạm Thị M) chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Tuyết M (tên gọi khác: Phạm Thị M). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 05-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 357, 401 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 17, 19, 20, 21, 22, 23, 29 và 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết T.

- Buộc ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Tuyết M (Phạm Thị M) cùng liên đới trả cho bà Phạm Thị Tuyết T số tiền là 521.200.000 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu, hai trăm ngàn đồng). Bà Th không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Phạm Thị Tuyết T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Tuyết M (Tên gọi khác: Phạm Thị M) còn phải trả số tiền lãi cho bà Phạm Thị Tuyết Th theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Tuyết M (Tên gọi khác: Phạm Thị M) liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.848.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Bà Phạm Thị Tuyết T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Tuyết T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.210.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006521 ngày 26-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng".

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết M (tên gọi khác: Phạm Thị M) chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008623 ngày 17-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bà M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Lưu: HS-Văn phòng.

Lê Thanh Vũ